

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN ĐÔNG HƯNG
TỈNH THÁI BÌNH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 14/2025/HNGĐ - ST
Ngày 11/3/2025
V/v: Tranh chấp hôn nhân
và gia đình

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐÔNG HƯNG, TỈNH THÁI BÌNH**

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Thị Lan Phương

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Lê Đình Cự
2. Bà Nguyễn Thị Vĩnh

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Huyền, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình.

Đại diện VKSND huyện Đông Hưng tham gia phiên tòa: Bà Nguyễn Thị H - Kiểm sát viên.

Ngày 11 tháng 3 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình sơ thẩm thụ lý số 07/2025/TLST-HNGĐ, ngày 07 tháng 01 năm 2025, về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 12/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 20 tháng 02 năm 2025 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Ông Nguyễn Đức T, sinh năm 1957

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị H1, sinh năm 1956

Đều cùng địa chỉ: Thôn H, xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình

(Tại phiên tòa vắng mặt ông T, bà H1)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản hòa giải nguyên đơn ông Nguyễn Đức T trình bày: Ông và bà Nguyễn Thị H1 kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào năm 1981. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc tại thôn H xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình đến năm 1982 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói

chung. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn đề nghị Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết cho ông được ly hôn với bà H1.

Về con chung: Ông và bà H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Nguyễn Đức M, sinh năm 1993. Ly hôn cả 3 con chung đã trưởng thành tự lập về kinh tế nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Ông không yêu cầu Tòa án giải quyết

Bị đơn là bà Nguyễn Thị H1 trình bày: Bà và ông Nguyễn Đức T kết hôn do tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình vào năm 1981. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn là do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung. Vợ chồng sống ly thân từ tháng 7/2024 đến nay. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn ông T xin ly hôn bà đồng ý.

Về con chung: Bà và ông T có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Nguyễn Đức M, sinh năm 1993. Ly hôn cả 3 con chung đã trưởng thành không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về tài sản: Bà không yêu cầu Tòa án giải quyết

Tại phiên tòa đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Đông Hưng phát biểu ý kiến:

Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử đã tuân theo đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Nguyên đơn - ông Nguyễn Đức T đã chấp hành đúng quy định của pháp luật. Bị đơn - bà Nguyễn Thị H1 đã không chấp hành đầy đủ quy định của pháp luật.

Về nội dung: Đề nghị Tòa án chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Nguyễn Đức T: Xử cho ông T được ly hôn bà Nguyễn Thị H1. Về con chung: Ông T và bà H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Nguyễn Đức M, sinh năm 1993 đều đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết. Về tài sản chung, ông T và bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết. Do ông T là người cao tuổi nên miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông T.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra công khai tại phiên tòa, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1] Về tố tụng: Bà Nguyễn Thị H1 có nơi thường trú tại xã M, huyện Đ, tỉnh Thái Bình, căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35 và khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án nhân dân huyện Đông Hưng, tỉnh Thái Bình giải quyết vụ án là đúng pháp luật. Ông Nguyễn Đức T, bà Nguyễn Thị H1 có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa

án xét xử vắng mặt đối với ông T, bà H1.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về quan hệ hôn nhân: Ông Nguyễn Đức T và bà Nguyễn Thị H1 chung sống với nhau từ năm 1981, ông bà khai có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã M nhưng do lâu ngày nên không còn giữ được giấy chứng nhận kết hôn. Ủy ban nhân dân xã M chỉ lưu giữ hồ sơ đăng ký kết hôn từ năm 1994 đến nay, từ năm 1994 trở về trước Ủy ban không còn lưu trữ. Xét thấy, ông T và bà H1 chung sống trước ngày 03/01/1987 nên vẫn được xem là hôn nhân thực tế, được pháp luật bảo vệ. Quá trình chung sống ông T và bà H1 phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không tìm được tiếng nói chung, không tôn trọng nhau. Ông T xin ly hôn, bà H1 đồng ý ly hôn, Ủy ban nhân dân xã M đề nghị Tòa án giải quyết cho ông T được ly hôn bà H1. Xét thấy, mâu thuẫn giữa ông T và bà H1 đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy, cần áp dụng Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Thái X cho ông T được ly hôn bà H1 là phù hợp.

[2.2] Về con chung: Ông T và bà H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Nguyễn Đức M, sinh năm 1993. Ly hôn các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

[2.3] Về tài sản chung: Ông T và bà H1 không yêu cầu Tòa án giải quyết, do đó không giải quyết về tài sản chung giữa ông T và bà H1.

[3] Về án phí: Ông T là người cao tuổi, có đơn xin miễn nộp tiền án phí thuộc trường hợp được miễn nộp tiền án phí theo điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án nên miễn nộp tiền án phí cho ông T.

[4] Về quyền kháng cáo: Ông T và bà H1 có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào khoản 1 Điều 28; khoản 1 Điều 35; Điều 39; Điều 147; Điều 266; khoản 1 Điều 228; Điều 271; Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014; điểm đ khoản 1 Điều 12 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 Quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án; điểm b khoản 4 Điều 2 Thông tư liên tịch số 01/2016/TTLT - TANDTC - VKSNDTC – BTP ngày 06/01/2016.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho ông Nguyễn Đức T được ly hôn bà Nguyễn Thị H1.

2. Về con chung: Ông T và bà H1 có 03 con chung là Nguyễn Thị Thu H2, sinh năm 1983; Nguyễn Thị H3, sinh năm 1986; Nguyễn Đức M, sinh năm 1993, các con chung đã trưởng thành nên không đặt ra giải quyết.

3. Về tài sản chung: Tòa án không giải quyết về tài sản.

4. Về án phí: Miễn án phí ly hôn sơ thẩm cho ông T.

5. Về quyền kháng cáo: Ông T và bà H1 có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Bình;
- VKSND huyện;
- Chi cục THADS huyện;
- Đương sự, UBND xã Minh Tân;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Phạm Thị Lan Phương

